

ỦY BAN NHÂN DÂN  
TỈNH NINH THUẬN

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 987/QĐ-UBND

Ninh Thuận, ngày 26 tháng 6 năm 2020

### QUYẾT ĐỊNH

Về việc phê duyệt Báo cáo kinh tế - kỹ thuật đầu tư xây dựng công trình  
Mở rộng một số tuyến đường ống hệ thống cấp nước Phước Hậu,  
huyện Ninh Phước, tỉnh Ninh Thuận

### CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH NINH THUẬN

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015;

Căn cứ Luật Xây dựng số 50/2014/QH13 ngày 18/6/2014;

Căn cứ Nghị định số 46/2015/NĐ-CP ngày 12/5/2015 của Chính phủ về quản lý chất lượng và bảo trì công trình xây dựng;

Căn cứ Nghị định số 59/2015/NĐ-CP ngày 18/6/2015 của Chính phủ về quản lý dự án đầu tư xây dựng; Nghị định số 42/2017/NĐ-CP ngày 05/4/2017 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số điều Nghị định 59/2015/NĐ-CP ngày 18 tháng 6 năm 2015 của Chính phủ về quản lý dự án đầu tư xây dựng;

Căn cứ Nghị định số 68/2019/NĐ-CP ngày 14/8/2019 của Chính phủ về quản lý chi phí đầu tư xây dựng;

Căn cứ Thông tư số 13/2017/TT-BXD ngày 08/12/2017 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng Quy định sử dụng vật liệu xây không nung trong các công trình xây dựng;

Căn cứ Thông tư số 09/2019/TT-BXD ngày 26/12/2019 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng Hướng dẫn xác định và quản lý chi phí đầu tư xây dựng;

Căn cứ Thông tư số 15/2019/TT-BXD ngày 26/12/2019 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng hướng dẫn xác định đơn giá nhân công xây dựng;

Căn cứ Thông tư số 16/2019/TT-BXD ngày 26/12/2019 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng Hướng dẫn xác định chi phí quản lý dự án và tư vấn đầu tư xây dựng;

Căn cứ Quyết định số 59/2017/QĐ-UBND ngày 07/8/2017 của Ủy ban nhân dân tỉnh về việc Ban hành Quy định phân công, phân cấp quản lý dự án đầu tư xây dựng trên địa bàn tỉnh Ninh Thuận; Quyết định số 01/2018/QĐ-UBND ngày 03/01/2018 sửa đổi, bổ sung Điều 5 Quy định phân công, phân cấp Quản lý dự án đầu tư xây dựng trên địa bàn tỉnh Ninh Thuận ban hành kèm theo Quyết định số 59/2017/QĐ-UBND ngày 07 tháng 8 năm 2017 của Ủy ban nhân dân tỉnh Ninh Thuận;



2

*Căn cứ Quyết định số 762/QĐ-UBND ngày 28/5/2020 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh về việc phê duyệt dự toán chi phí các công việc thực hiện ở giai đoạn chuẩn bị dự án để lập Báo cáo kinh tế - kỹ thuật công trình Mở rộng một số tuyến đường ống hệ thống cấp nước Phước Hậu, huyện Ninh Phước;*

*Căn cứ Văn bản số 772/UBND-KTTH ngày 16/3/2020 của Ủy ban nhân dân tỉnh về việc đồng ý tiếp tục áp dụng Đơn giá nhân công xây dựng công trình theo Quyết định số 30/2016/QĐ-UBND ngày 09/6/2016 của Ủy ban nhân dân tỉnh Ninh Thuận;*

*Căn cứ Văn bản số 1169/UBND-KTTH ngày 08/4/2020 của Ủy ban nhân dân tỉnh Ninh Thuận về việc chấp thuận chủ trương thực hiện các hạng mục công trình chống hạn bằng nguồn kinh phí thu tiền năm 2020;*

*Theo đề nghị của Sở Xây dựng tại Tờ trình số 1871/TTr-SXD ngày 19/6/2020.*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

**Điều 1.** Phê duyệt Báo cáo kinh tế - kỹ thuật đầu tư xây dựng công trình với những nội dung như sau:

1. Tên công trình: Mở rộng một số tuyến đường ống hệ thống cấp nước Phước Hậu, huyện Ninh Phước, tỉnh Ninh Thuận.

Loại, cấp công trình: Công trình hạ tầng kỹ thuật, cấp IV.

2. Chủ đầu tư: Trung tâm Nước sạch và Vệ sinh môi trường nông thôn.

3. Mục tiêu đầu tư: Nhằm đáp ứng nhu cầu cấp bách sử dụng nước của các hộ dân khu vực dân cư thôn Hoài Nhơn, Thuận Hòa, Trường Sanh thuộc huyện Ninh Phước, đồng thời cải thiện môi trường, tình trạng sức khỏe, điều kiện lao động giúp nhân dân an tâm phát triển sản xuất, nâng cao đời sống vật chất tinh thần, từng bước thay đổi bộ mặt nông thôn. Nâng cao hiệu quả phục vụ nước sinh hoạt cho toàn vùng dự án theo đúng công suất thiết kế.

4. Nội dung và quy mô đầu tư:

Mở rộng một số tuyến đường ống HTCN Phước Hậu, huyện Ninh Phước với tổng chiều dài L=2.404,0m, sử dụng Ống uPVC D80mm (90mmx4,3mmx6m), Ống uPVC D65mm (75mmx3,6mmx4m) và Ống STK D65mm (75mmx2,9mmx6m), Ống STK D80mm (90mmx2,9mmx6m) Trong đó:

- Ống uPVC D80mm (90mmx4,3mmx6m), L=745,0m.
- Ống uPVC D65mm (75mmx3,6mmx4m), L=1.615,0m.
- Ống STK D80mm (90mmx2,9mmx6m), L=22,0m.
- Ống STK D65mm (75mmx2,9mmx6m), L=22,0m.

5. Nhà thầu lập Báo cáo kinh tế - kỹ thuật: Công ty TNHH Tư vấn xây dựng Hưng Thịnh.



6. Địa điểm xây dựng: huyện Ninh Phước, tỉnh Ninh Thuận.

7. Các tiêu chuẩn, quy chuẩn được áp dụng:

- QCVN 07-1: 2016/BXD Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia các công trình hạ tầng kỹ thuật công trình cấp nước.

- TCXDVN 33 – 2006 cấp nước – mạng lưới đường ống và công trình – Tiêu chuẩn thiết kế.

- TCVN 9398:2012: Công tác trắc địa trong xây dựng công trình – Yêu cầu chung.

- TCVN 5574:2012: Kết cấu bê tông và bê tông cốt thép - Tiêu chuẩn thiết kế.

- TCVN 5575:2012: Kết cấu thép - Tiêu chuẩn thiết kế.

- TCVN 9343:2012: Kết cấu và bê tông cốt thép – Hướng dẫn công tác bảo trì.

- Tiêu chuẩn Quốc gia TCVN 6477:2016: Gạch Bê tông.

- Các tiêu chuẩn xây dựng, tiêu chuẩn ngành khác có liên quan.

8. Số bước thiết kế: 01 bước (lập Báo cáo kinh tế kỹ thuật đầu tư xây dựng công trình).

9. Tổng mức đầu tư: **571.598.127 đồng.**

Trong đó:

Chi phí xây dựng:	486.504.870 đồng;
Chi phí quản lý dự án:	12.220.118 đồng;
Chi phí tư vấn đầu tư xây dựng:	63.031.260 đồng;
Chi phí khác:	7.630.092 đồng;
Chi phí dự phòng:	2.211.787 đồng.

(Kèm theo bảng tổng hợp kinh phí do Sở Xây dựng thẩm định và xác lập tại Văn bản số 1870/SXD-QLHĐXD&HTKT ngày 19/6/2020).

10. Nguồn vốn đầu tư: Nguồn kinh phí thu tiền nước năm 2020 của Trung tâm Nước sạch và Vệ sinh môi trường nông thôn (theo Văn bản số 1169/UBND-KTTH ngày 08/4/2020 của Ủy ban nhân dân tỉnh).

11. Hình thức quản lý dự án: Chủ đầu tư thuê tư vấn quản lý dự án.

12. Thời gian thực hiện: Năm 2020.

**Điều 2. Tổ chức thực hiện.**

Chủ đầu tư (Trung tâm Nước sạch và Vệ sinh môi trường nông thôn) chịu trách nhiệm tổ chức thực hiện dự án theo đúng nội dung được duyệt tại Điều 1 của Quyết định này và các quy định hiện hành có liên quan về quản lý đầu tư xây dựng công trình.



*b*

**Điều 3.** Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh, Giám đốc Sở Kế hoạch và Đầu tư, Giám đốc Sở Xây dựng, Giám đốc Sở Tài chính, Giám đốc Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Giám đốc Kho bạc Nhà nước tỉnh, Cục trưởng Cục thuế tỉnh, Giám đốc Trung tâm Nước sạch và Vệ sinh môi trường nông thôn và Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị có liên quan căn cứ Quyết định thi hành./.

Nơi nhận: *b*

- Như Điều 3;
- Chủ tịch và PCT UBND tỉnh Trần Quốc Nam;
- Chủ đầu tư (03 bản QĐ);
- VPUB: LĐ, KTTH;
- Lưu: VT. Huy

**KT. CHỦ TỊCH**  
**PHÓ CHỦ TỊCH**

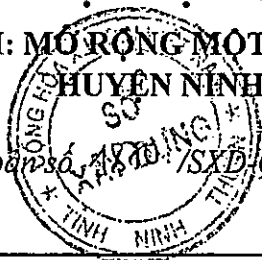


*[Signature]*

**Trần Quốc Nam**

**TỔNG HỢP DỰ TOÁN XÂY DỰNG CÔNG TRÌNH**  
**CÔNG TRÌNH: MỞ RỘNG MỘT SỐ TUYẾN ĐƯỜNG ÔNG HTCN PHƯỚC HẠU,**  
**HUYỆN NINH PHƯỚC, TỈNH NINH THUẬN.**

(Đính kèm Văn bản số **1870/SXD-QLHĐXD&HTKT** ngày **19 / 6/2020** của Sở Xây dựng)



Đơn vị tính: Đồng

STT	KHOẢN MỤC CHI PHÍ	KÝ HIỆU	CÁCH TÍNH	THÀNH TIỀN
<b>I</b>	<b>Chi phí xây dựng trước thuế</b>	<b>G<sub>tt</sub></b>		<b>442.277.154</b>
	<b>THUẾ GTGT</b>	<b>GTGT</b>	<b>G<sub>tt</sub> x 10%</b>	<b>44.227.715</b>
<b>II</b>	<b>Chi phí xây dựng sau thuế</b>	<b>G<sub>XD</sub></b>	<b>G<sub>tt</sub> + GTGT</b>	<b>486.504.870</b>
<b>II</b>	<b>Chi phí quản lý dự án</b>	<b>G<sub>QLDA</sub></b>	<b>G<sub>tt</sub> x 2,763%</b>	<b>12.220.118</b>
<b>III</b>	<b>Chi phí tư vấn đầu tư xây dựng</b>	<b>G<sub>TV</sub></b>	<b>G<sub>TV</sub> = TV1+...+TV5</b>	<b>63.031.260</b>
1	Chi phí khảo sát địa hình	TV1	Bảng tính	20.368.283
2	Chi phí giám sát khảo sát	TV2	TV1 x 4,072%	829.396
3	Chi phí lập BCKTKT	TV3	G <sub>tt</sub> x 5,8% x 1,1	28.217.282
4	Chi phí lập HSYC&ĐG hồ sơ đề xuất	TV4	G <sub>tt</sub> x 0,388% x 60% x 1,1	1.132.583
5	Chi phí giám sát thi công xây lắp	TV5	G <sub>tt</sub> x 2,566% x 1,1	12.483.715
<b>IV</b>	<b>Chi phí khác</b>	<b>G<sub>K</sub></b>	<b>K1+...+K5</b>	<b>7.630.092</b>
1	Phí thẩm định BCKTKT	K1	(TDT~571 triệu) x 0,019%	108.490
2	Chi phí thẩm định HSYC&KQLCNT thi công	K2	Tối thiểu	2.000.000
3	Chi phí bảo hiểm công trình	K3	G <sub>tt</sub> x 0,34% x 1,1 (Tạm tính)	1.654.117
4	Chi phí thẩm tra phê duyệt quyết toán	K4	(TCP~ 569 triệu) x 0,57%	3.243.300
5	Chi phí kiểm tra công tác nghiệm thu công trình xây dựng	K5	TV5 x 5% (Tạm tính)	624.186
	<b>Tổng các chi phí</b>	<b>TCP</b>	<b>G<sub>XD</sub>+G<sub>QLDA</sub>+G<sub>TV</sub>+G<sub>K</sub></b>	<b>569.386.340</b>
<b>V</b>	<b>Chi phí dự phòng</b>	<b>G<sub>DP</sub></b>	<b>TCP x &lt; 5%</b>	<b>2.211.787</b>
<b>VI</b>	<b>Tổng dự toán công trình</b>	<b>TDT</b>	<b>TCP + G<sub>DP</sub></b>	<b>571.598.127</b>

Người lập

Phan Thị Thanh Huyền

P. Trưởng phòng QLHĐXD&HTKT

Nguyễn Khắc Hoan